

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Thành Lam.**

Ông Nguyễn Ánh Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*
Ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Lê Thị Thu Th**, sinh năm 1996

Địa chỉ: số 46 tổ 5, ấp 2, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: tổ 7 ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/- Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2022, bản tự khai ngày 20/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị Thu Th trình bày:

Chị Th và anh Nguyễn Văn H quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì hai bên tự nguyện hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2016. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Th và anh H. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình giữa chị Th và anh H không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng hay xảy ra cãi nhau và xúc phạm danh dự nhau. Ngoài ra, do anh H là người ham chơi, không lo làm ăn lo cho gia đình, anh H là người nghiện ma túy, mỗi lần sử dụng ma túy anh H về là quậy phá gia đình, la mắng vợ con, có lần anh H đánh chị Th nhưng

không để lại thương tích gì. Chị Th và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi, do không chịu được tính tình của anh H nên khoảng cuối năm 2017 chị Th đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở ấp 2 xã X, huyện Cẩm Mỹ để sinh sống cho đến nay. Giữa vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Th ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/4/2016. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì con chung do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung, nợ riêng*: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Th không còn yêu cầu gì khác, ngày 08/11/2022 chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Theo bản tự khai ngày 20/10/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H và chị Lê Thị Thu Th quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 05 năm thì hai bên tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2016. Đây là hôn nhân lần đầu của anh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng về nhà cha mẹ ruột của anh H tại ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất để sinh sống.

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H và chị Th bất đồng quan điểm về lối sống nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bên cạnh đó, do anh H bị nghiện ma túy, không có việc làm ổn định dẫn đến không có điều kiện để chăm lo cho vợ con và gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng giữa năm 2017 chị Th về nhà cha mẹ ruột tại ấp 2, xã X, huyện Cẩm Mỹ để sinh sống. Từ đó đến nay giữa anh H và chị Th không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay chị Th làm đơn yêu cầu ly hôn với anh H thì anh đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/4/2016. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H không còn yêu cầu gì khác, ngày 07/11/2022 anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th và anh H ly hôn. Về con chung, đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/4/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Anh H được quyền thay đổi quyền nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, được quyền thăm nuôi con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2022 cho nguyên đơn chị Lê Thị Thu Th và bị đơn anh Nguyễn Văn H. Ngày 07/11/2022 anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và ngày 08/11/2022 chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 34, 35). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con với anh Nguyễn Văn H nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại tổ 7, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Lê Thị Thu Th là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2016 (BL 06) theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, anh H và chị Th cùng thừa nhận giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 16, 26, 27) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 28, 29).

[7] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Th tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th yêu cầu ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[8] Xét ý kiến, yêu cầu của anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th là phù hợp với nhận định trên và Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận.

[9] Về con chung: Anh H và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/4/2016. Xét yêu cầu của chị Th được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì con chung do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu T cần tiếp tục để chị Th nuôi dưỡng cháu T. (BL 26, 27, 28, 29). Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng đồng ý để chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung (BL 26). Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/4/2016 của chị Th.

[10] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Th xác định có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

[11] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[15] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Th về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Nguyễn Văn H. Xử cho chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn H ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 27/4/2016.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn H do chị Th không yêu cầu.

[2.4] Sau khi ly hôn, chị Th và anh H vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

[2.5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.6] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008971 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND H. Thống Nhất;
 - CCTHADS H. Thống Nhất;
 - UBND xã H. H. Thống Nhất
- (Giấy CNKH số 25/2016);
- Các đương sự;
 - Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Vũ Mạnh Cường